

QUYẾT ĐỊNH

**V/v giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư
từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền Địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2397/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 1981/QĐ-BKHĐT ngày 28/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016;

Căn cứ Công văn số 28/HĐND-VP ngày 28/01/2016 của Thường trực HĐND tỉnh, về việc thống nhất kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT, ngày 20/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các Sở, UBND các huyện, chủ đầu tư danh mục và kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ của từng dự án năm 2016, chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm cho các đơn vị:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a. Hướng dẫn các Sở, UBND các huyện, chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn Trái phiếu Chính phủ năm 2016 theo đúng quy định.

b. Tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết đến hạng mục gói thầu của các dự án: Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ea Súp thượng và Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên trước ngày 28/2/2016 (Trường hợp dự án, hạng mục vẫn chưa đủ điều kiện giao vốn thì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/3/2016).

c. Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thanh toán, giải ngân và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định.

3. UBND cấp huyện, các chủ đầu tư:

Căn cứ mức vốn của các dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh giao, tổ chức triển khai thực hiện. Trước ngày 10 đầu tháng các quý gửi báo cáo theo biểu mẫu số I, II kèm theo Quyết định này về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 3. Thời hạn giải ngân: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Điều 46 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Ea Kar, M'Đrăk, Krông Pắc, Krông Bông, Krông Năng, Krông Ana, Lắk, Ea Súp và thành phố Buôn Ma Thuột; Bộ Chỉ huy Bộ Đội Biên phòng tỉnh, Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đăk Lăk và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. / *vu*

Nơi nhận: *ĐK*

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- UBNDTTQ VN tỉnh (để theo dõi);
- Các Ban của Đảng và HĐND tỉnh (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để chỉ đạo);
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T-80b)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục I

KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 317 /QĐ-UBND, ngày 29 /01/2016 của UBND tỉnh)

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016
	TỔNG SỐ	633.453
1	Ngành Thủy lợi	291.453
2	Ngành Y tế	342.000

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 317 /QĐ-UBND, ngày 29 /01/2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTg CP				Kế hoạch vốn TPCP được giao Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP		Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014- 2016	Trong đó: đã bố trí giai đoạn 2012- 2015		
								Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ					-	2.041.391	2.038.673	809.417	1.704.502	1.071.047	633.453	-
I	THỦY LỢI					-	942.991	940.273	809.417	759.502	468.047	291.453	
	Danh mục dự án hoàn thành, đã bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015					-	216.715	213.997	83.141	53.059	44.221	8.836	
1	Nâng cấp thủy lợi Ea Tam, xã Ea Tam	Kr. Năng	UBND H Kr Năng	93	09	266/QĐ- KHĐT 19/8/2010	5.687	5.687	5.687	1.632	1.300	332	
2	CTTL Tam Khánh, xã Ea Tam	Kr. Năng	UBND H Kr Năng	26	09-10	36/QĐ-KHĐT 2/3/2010	4.399	4.399	4.399	1.283	1.020	262	
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phước Trạch, xã Ea Phê	Kr. Pắc	UBND H Kr Pắc	200 ha	09-10	33/QĐ-UBND 07/01/2011	8.967	8.967		667	270	397	
4	Hồ chứa nước thôn 5, xã Cư Ewi	Kr. Ana	UBND H Kr Ana	33		17/QĐ-KHĐT 16/01/08	4.840	4.840		447	240	207	
5	Hồ Ea Chu Cấp thượng xã Hoà Thắng	Tp. BMT	UBND TP. BMT	140		1112/QĐ- UBND 7/5/09	21.991	21.991		1.461	124	1.337	
6	Hồ Đạt Lý, xã Hoà Thuận, TP. Buôn Ma Thuột	Tp. BMT	UBND TP. BMT	300		2392/QĐ- UBND 16/9/08	32.986	30.268		2.984	2.824	160	
7	Hồ Krông Á 2	M'Drăk	Sở NN&PTNT	160		1119/QĐ- UBND 7/5/2009	31.605	31.605		8.241	7.635	606	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTg CP				Kế hoạch vốn TPCP được giao Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP		Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016	Trong đó: đã bố trí giai đoạn 2012-2015		
								Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá				
8	Sửa chữa CTTL Buôn Tría, xã Buôn Tría	Lắk	Cty TNHH MTV QLCT TL DL	400 ha		124/QĐ-KHĐT 12/7/2011	5.482	5.482	5.482	822	551	271	
9	Sửa chữa, nâng cấp đập Bằng Lăng, xã Ea Sô	Ea Kar	UBND H Ea Kar	50 ha		54/QĐ-UBND 18/01/2011	7.486	7.486	7.486	1.108	1.000	108	
10	Sửa chữa, nâng cấp đập thủy lợi Hóc Môn, Thị trấn Liên Sơn	Lắk	UBND H Lắk	45 ha		425/QĐ-KHĐT 29/12/2010	6.216	6.216	6.216	634	20	614	
11	Hồ chứa nước Ea M'Doan	M'Drăk	Sở NN&PTNT	150		3008/QĐ-UBND, 16/11/2011	31.029	31.029	31.029	18.399	15.737	2.662	
12	Công trình thủy lợi khu vực đồn biên phòng 739	B. Đôn	Bộ CHBĐBP	200 ha		24/QĐ-UBND 06/01/09	33.185	33.185		6.368	6.297	71	
13	Sửa chữa, nâng cấp CTTL Buôn Dren, xã Đăk Liêng	Lắk	UBND H Lắk	150 ha	10-13	05/QĐ-UBND, 04/01/2012	22.842	22.842	22.842	9.012	7.203	1.809	
	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2016						726.276	726.276	726.276	706.443	423.826	282.617	
1	Hồ chứa nước Krông Pách Thượng (kênh hồ Ea Rót do tỉnh thực hiện)	Ea Kar	UBND H. Ea Kar	14900 ha		1394/QĐ-BNN XD 15/5/2009	511.759	511.759	511.759	492.000	261.683	230.317	CT
1.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư số 1 (300 hộ)						101.168	101.168	0	55.755	0	45.413	
-	Trường THCS Phạm Hồng Thái (TĐC số 1)					542/QĐ-UBND 05/8/2014	495	495		393		102	QT
-	Trạm khuyến nông khuyến lâm xã Cư Elang					912/QĐ-UBND 22/12/2014	495	495		315		180	Đang kiểm toán độc lập

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTg CP				Kế hoạch vốn TPCP được giao Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP		Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016	Trong đó: đã bố trí giai đoạn 2012-2015		
								Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá				
-	Trục đường giao thông từ khu dân cư tái định cư đến khu sản xuất (TĐC số 1)					3124/QĐ-UBND 24/11/2015	2.867	2.867		2.399		468	QT
-	Nước sinh hoạt (TĐC số 1)- Gói số 01					499/QĐ-UBND 18/07/2014	28.519	28.519		22.897		5.622	CT
-	Khai hoang và xây dựng đồng ruộng lúa nước (TĐC số 1)					60/QĐ-UBND 27/01/2015	32.688	32.688		14.803		17.885	CT
-	San ủi mặt bằng, khai hoang khu dân cư-Khu B (TĐC số 1)					956/QĐ-UBND 29/12/2014	7.023	7.023		4.627		2.396	CT
-	Đường giao thông trục chính và đường giao thông trục khu dân cư (TĐC số 1)- Gói số 2 Khu B					55/QĐ-UBND 26/01/2015	9.459	9.459		6.793		2.666	CT
-	Nhà Văn hóa thôn 7A (TĐC số 1)					1237/QĐ-UBND 22/5/2015	1.100	1.100		779		321	CT
-	Các trục đường khu sản xuất (TĐC số 1)					109/QĐ-UBND 11/02/2015	5.412	5.412				5.412	CT
-	Đường dây trung áp hạ áp và trạm biến áp 250KVA-22/0,4KV (TĐC số 1)- Gói số 2 Khu B					923/QĐ-UBND 26/10/2015	3.676	3.676		983		2.693	CT
	Chi phí khác						3.929	3.929	0	1.766		2.163	
-	Lập lưới địa chính, đo đạc bản đồ địa chính lòng hồ Krông Pách Thượng					1805/QĐ-UBND 14/07/2015	1.320	1.320		357		963	CT
-	Đo đạc lập hồ sơ địa chính phục vụ bồi thường, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu TĐC (cắm mốc phân lô chi tiết Khu A điểm TĐC số 1)					868/QĐ-UBND 11/12/2014	409	409		300		109	CT

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTg CP				Kế hoạch vốn TPCP được giao Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP		Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014- 2016	Trong đó: đã bổ trí giai đoạn 2012- 2015		
								Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá				
-	Đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu đầu mối công trình: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng					1132/QĐ- UBND 13/05/2015	550	550		440		110	CT
-	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hệ thống kênh Ea Rót					1129/QĐ- UBND 13/05/2015	640	640				640	CT
-	Đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường, thu hồi đất,giao đất và cấp GCNQSD đất khu tái định cư số 1					647/QĐ- UBND 19/07/2013	1.010	1.010		669		341	CT
	Mở mới						5.505	5.505	0	0		5.505	
-	Mạng lưới đường ống và đấu nối hộ gia đình Khu A (điểm TĐC số 1) Gói thầu xây lắp số 02 thuộc công trình Nước sinh hoạt					499/QĐ- UBND 18/07/2014	2.105	2.105				2.105	MM
-	Bổ sung kéo dài cấp nước trên trục đường liên xã Ea Ô-Cư EaLang						3.400	3.400				3.400	MM
1.2	Xây dựng hệ thống kênh có $F_{tươi} \leq 150$ ha (kênh Hồ Ea Rót)					436/QĐ-BQL, 14/9/2011	45.000	45.000	0	0		45.000	
-	Gói thầu xây lắp và thiết bị số 01a: Kênh và công trình trên kênh có $F_{tươi} \leq 150$ ha thuộc kênh Chính (Gồm kênh N3, N3-2, N7- 1)						8.073	8.073				8.073	MM
-	Gói thầu xây lắp và thiết bị số 01: Kênh và công trình trên kênh có $F_{tươi} \leq 150$ ha thuộc kênh Chính (Gồm kênh N1, N2, N2a, N2b, N4, N5, N6)						4.661	4.661				4.661	MM

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTg CP				Kế hoạch vốn TPCP được giao Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP		Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016	Trong đó: đã bố trí giai đoạn 2012-2015		
								Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá				
-	Gói thầu xây lắp và thiết bị số 02: Kênh và công trình trên kênh có $F_{TƯỚI} \leq 150$ ha thuộc kênh Đông (Gồm kênh ĐN4, ĐN6, ĐN7, ĐN9, ĐN11-2, ĐN11-2-1, ĐN13, ĐN15, ĐN17)						5.312	5.312				5.312	MM
-	Gói thầu xây lắp và thiết bị số 03: Kênh và công trình trên kênh có $F_{TƯỚI} \leq 150$ ha thuộc kênh Đông (Gồm kênh ĐN1, ĐN2, ĐN3, ĐN3-2, ĐN5-1, ĐN5-2, ĐN5-4, ĐN5-6, ĐN5-8)						6.216	6.216				6.216	MM
-	Gói thầu xây lắp và thiết bị số 04: Kênh và công trình trên kênh có $F_{TƯỚI} \leq 150$ ha thuộc kênh Tây (Gồm kênh TN1, TN2, TN2a, TN3, TN3a, TN4, TN5-2, TN5-4, TN6, TN7, TN9)						6.780	6.780				6.780	MM
-	Gói thầu xây lắp và thiết bị số 05: Kênh và công trình trên kênh có $F_{TƯỚI} \leq 150$ ha thuộc kênh Tây (Gồm kênh TN1, TN2, TN2a, TN3, TN3a, TN4, TN5-2, TN5-4, TN6, TN7, TN9)						5.570	5.570				5.570	MM
-	Quản lý dự án						707	707				707	
-	Chi phí tư vấn đầu tư						941	941				941	
-	Chi phí khác						1.124	1.124				1.124	
-	Chi phí dự phòng						5.616	5.616				5.616	
1.3	Bồi thường, giải phóng mặt bằng											139.904	
-	Hệ thống kênh hồ Ea Rót											20.000	
-	Khu tái định canh											50.000	
-	Cụm đầu mối hồ Krông Pách Thượng											69.904	
2	Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ea Súp thượng	Ea Súp	UBND H. Ea Súp	27819 ha		3045/QĐ-BNN-XD 26/10/2009	214.517	214.517	214.517	214.443	162.143	52.300	CT

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTg CP				Kế hoạch vốn TPCP được giao Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP		Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014- 2016	Trong đó: đã bố trí giai đoạn 2012- 2015		
								Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá				
2.1	Chi phí đền bù GPMB						70.454	70.454		23.593		300	
2.2	Kênh và công trình trên kênh cấp 1 có F tưới dưới 150 ha					197/QĐ- UBND, 30/12/2014	154.637	154.637		138.550		13.963	
-	Gói thầu số 36B						31.124			30.247		800	
-	Gói thầu số 37A						26.981			24.669		2.400	
-	Gói thầu số 37B						25.435			21.878		3.100	
-	Gói thầu số 38A						22.539			17.234		3.900	
-	Gói thầu số 38B						23.540			20.536		2.963	
-	Gói thầu số 39A						24.899			23.986		800	
2.3	Thông báo sau											38.037	
III	Y TẾ						1.098.400	1.098.400		945.000	603.000	342.000	
	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2015						1.098.400	1.098.400		945.000	603.000	342.000	
1	BVĐK vùng Tây Nguyên	Tp. BMT	Sở Y tế	800 G		957/QĐ- UBND 21/4/2009	1.098.400	1.098.400		945.000	603.000	342.000	CT
1.1	Gói thầu số 4: Nhà hành chính, khám đa khoa và khu điều trị ngoại trú					1439/QĐ-STY 01/11/2010	146.172	146.172				5.000	
1.2	Gói thầu số 5: Xây lắp và lắp đặt thiết bị đi kèm hạng mục: Cấp nước tổng thể, thoát nước tổng thể, cấp điện tổng thể, vỉa hè					480/QĐ-SYT 31/2/2012	29.092	29.092				4.000	
1.3	Gói thầu số 7: Nhà kỹ thuật nghiệp vụ					1036/QĐ-SYT 30/8/2012	210.523	210.523				9.500	
1.4	Gói thầu số 8: Nhà điều trị nội trú số 1					358/QĐ-SYT 29/3/2013	133.895	133.895				6.500	
1.5	Gói thầu số 9: Nhà điều trị nội trú số 2					400/QĐ-SYT 28/7/2014	156.171	156.171				105.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTg CP				Kế hoạch vốn TPCP được giao Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP		Giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016	Trong đó: đã bố trí giai đoạn 2012-2015		
								Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá				
1.6	Gói thầu số 10: Khoa truyền nhiễm					401/QĐ-SYT 28/7/2014	32.217	32.217				8.500	
1.7	Gói thầu số 11: Khoa dinh dưỡng					473/QĐ-SYT 01/8/2014	17.024	17.024				3.500	
1.8	Gói thầu số 12: Nhà tang lễ					472/QĐ-SYT 01/8/2014	10.504	10.504				1.100	
1.9	Gói thầu số 14: Nhà để xe 2 bánh cho nhân viên, nhà để xe 2 bánh cho khách, nhà để xe ô tô, nhà kho xưởng					443/QĐ-SYT 30/7/2014	5.359	5.359				100	
1.10	Gói thầu số 15: Tuyến ống bể cấp và mạng cấp ngoại vi					507/QĐ-SYT 14/8/2014	2.650	2.650				1.300	
1.11	Gói thầu số 16: Trạm xử lý nước thải, rác thải					615/QĐ-SYT 17/9/2014	26.049	26.049				3.600	
1.12	Gói thầu số 17: Nhà điều trị nội trú số 3					942/QĐ-SYT 01/12/2014	152.332	152.332				95.000	
1.13	Gói thầu số 18: Mua sắm và lắp đặt thiết bị xây lắp còn lại của hạng mục nhà kỹ thuật nghiệp vụ					1036/QĐ-SYT 30/8/2012	48.204	48.204				13.000	
1.14	Chi phí quản lý dự án					1825/QĐ-UBND 15/7/2015	9.194	9.194				1.670	
1.15	Đền bù GPMB						49.660	49.660				1.000	
1.16	Chuẩn bị đầu tư						2.795	1.281				530	
1.17	Thông báo sau											82.700	

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 317 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

(Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân hàng quý trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo; báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 năm 2016; báo cáo cả năm trước ngày 28 tháng 02 năm 2017)

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

T	T	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được TTCP giao năm 2012,2013					Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của TTCP					Lấy kế vốn đến hết KH năm 2015					Giải ngân từ khởi công đến 31/01/2016					KH vốn đối ứng năm 2015 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài (nếu có)					Kế hoạch năm 2016					Thực hiện KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng					Thực hiện KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng					Ghi chú					
						Số quyết định	TMĐT				Số quyết định	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:														
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)											
								Tổng số	NSTW	Tinh bằng ngoại tệ			Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	NSTW			Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	NSTW				TPCP	Tổng số				NSTW	TPCP				Tổng số	NSTW		TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số		NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50		
	TỔNG SỐ																																																		
1	Ngành, Lĩnh vực.....																																																		
1	Các dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015																																																		
a	Dự án nhóm A																																																		
1	Dự án.....																																																		
b	Dự án nhóm B																																																		
1	Dự án.....																																																		
c	Dự án nhóm C																																																		
1	Dự án.....																																																		
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016																																																		
a	Dự án nhóm A																																																		
1	Dự án.....																																																		
b	Dự án nhóm B																																																		
1	Dự án.....																																																		
c	Dự án nhóm C																																																		
1	Dự án.....																																																		
3	Danh mục các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016																																																		
a	Dự án nhóm A																																																		
1	Dự án.....																																																		
b	Dự án nhóm B																																																		
1	Dự án.....																																																		
c	Dự án nhóm C																																																		
1	Dự án.....																																																		
4	Danh mục các dự án khởi công mới năm 2016																																																		
a	Dự án nhóm A																																																		
1	Dự án.....																																																		
b	Dự án nhóm B																																																		
1	Dự án.....																																																		
c	Dự án nhóm C																																																		
1	Dự án.....																																																		
D	Ngành, Lĩnh vực.....																																																		
...	(Phân loại như trên)																																																		